

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCDM+RC4+RC5	7:25	9+7+6	0+0+0		6+7+8	0+0+0	
2		RC6+RP1	7:25	7+15	0+0		5+17	0+0	
3		RP3+RC3+RP2	9:25	22+0+0	0+0+0		19+0+0	0+0+0	CHUYEN 3 RC3- RP2
4		P9+RP3+VSP01	9:25	0+20+0	0+0+0		1+11+10	0+0+0	CHUYEN 1 P9- RP3
5		RP1+RCDM	11:25	21+0	0+0		14+1	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1 AT ĐI RCDM VỀ TRONG NGÀY



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2020	TO: RCDM - RC4 - RC5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: N.Thắng - VAnh - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAKAROV	RCDM	10	1	5		85	ANTOAN	Russian
2	HOANG NGOC TUNG	RCDM	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN THUAN	RCDM	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TO TIEN DUNG	RCDM	17-18	2	12	40	70	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG NHAT THANH	RCDM	12-13	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC HIEN	RCDM	14	1	15		60	T-TIN	Vietnamese
7	NGUYEN MINH NHAT	RCDM	15-16	2	15		75	T-TIN	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HONG	RCDM	11	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	PHAN VAN LINH	RCDM	20	1	6		65	PSV	Vietnamese
10	HUYNH MINH SANG	RC4	98	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	92-93	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CONG HUNG	RC4					57	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH MINH TRI	RC4	96-97	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC VIET	RC4	90-91	2	12	70	58	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN NHUAN	RC4	94-95	2	17		56	PSV	Vietnamese
16	PHAM VAN THUY	RC4	89	1	9		80	DK9	Vietnamese
17	CAO THANH HOP	RC5	06-07	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VO VAN DONG	RC5					68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH VAN TIEN	RC5	04	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TOAN	RC5	03	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
21	DINH VAN LIEN	RC5	05	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	HO DINH LOC	RC5	01-02	2	8		78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	9	12	79	607	40	6		
2	RC4	7	10	66	466	70	7		
3	RC5	6	7	32	427	0	8		
TOTAL		22	29	177	1.500	110	21		
WEIGHT KG				177	1.500	110			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RC6 - RP1	CREW: HUNG - XTruong - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG HUU SON	RC6	98	1	5	40	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	RC6	93-94	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RC6	95	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LA	RC6	96	1	17		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	RC6	97	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HA	RC6	99	1	7		75	PSV	Vietnamese
7	LE HUY TAM	RP1	60	1	4	20	60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG THONG	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
9	DAO XUAN THAO	RP1	57	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
10	ZAKHARIN	RP1	59	1	7		108	KH-THAC	Russian
11	TRAN TUAN ANH	RP1	55	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH HAI	RP1	65	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
13	DO DUC VUONG	RP1	64	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN NANG	RP1	56	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	VU BA NEP	RP1	66	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG VU NHAT VINH	RP1					78	KH-THAC	Vietnamese
17	LE TRI KHANH	RP1	61	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGOC LONG	RP1	67	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	HA QUOC HOAN	RP1	70	1	15		82	KH-THAC	Vietnamese
20	DO VAN THANH	RP1	62	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NG. VAN BAO TRUNG	RP1	58	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VIET BANG	RP1	63	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	6	7	64	446	40	5		
2	RP1	16	14	105	1.175	20	17		
TOTAL		22	21	169	1.621	60	22		
WEIGHT KG				169	1.621	60			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2020	TO: RP3 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: N.Thắng - V.Anh - Luy	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔN THẮT HOÀNG QUÂN	RP3	56	1	4		85	KHI	Vietnamese
2	HỒ TUÂN HÙNG	RP3	12	1	3		85	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	11	1	3		66	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	RP3	10	1	3		80	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG HÒA	RP3	09	1	8		75	KHI	Vietnamese
6	VÕ HỒ HAI	RP3	60	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO VIỆT HAI	RP3	07	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRI CHUNG	RP3	55	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN ANH ĐỒNG	RP3	59	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	53	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRỌNG LĨNH	RP3	57	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	61	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN SY ĐIỆP	RP3	63	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	04	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG HAI HA	RP3	06	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN ĐỒNG	RP3	03	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÙNG *TT	RP3	08	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	58	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
19	DÙ TRẦN HÙNG	RP3	54	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM QUỐC CHẾ	RP3	05	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	62	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN HỒI	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	21	101	1.566	0	19		CHUYỂN 3 PAX RC3 SANG RP2
2	RC3	0	0	0	0	20	0 + 3		
3	RP2	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	21	101	1.566	40	19		
WEIGHT KG				101	1.566	40			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	TO: P9 - RP3 - VSP01	CREW: HUNG - XTruong - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE VAN LINH	P9	85-87	3	16		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LE CONG HUNG	RP3	64	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU MAU	RP3	50	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN TIEN	RP3	61	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	RP3	65	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO DUC THANH	RP3	62	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH TAN NGON	RP3	63	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HIEN	RP3	48	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
9	VO THANH LAM	RP3	49	1	50		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUY HAI	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH HO	RP3	51	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	VU CHI KIEN	RP3	59	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DOAN DUC	RP3	47	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN PHUONG CAO	RP3	66	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	HO XUAN LAM	RP3	56	1	5		73	KHI	Vietnamese
16	HO THE HAN	RP3	60	1	4		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN THANG	RP3	57-58	2	6		74	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TAN HOANG	RP3	53	1	2		65	KHI	Vietnamese
19	PHAM HONG LINH	RP3	52	1	5		74	KHI	Vietnamese
20	TRAN VUONG HUNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
21	TRAN VAN MINH	RP3	54-55	2	15		90	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	1	3	16	72	0	1 +	1	CHUYEN 1 PAX P9 SANG RP3
2	RP3	20	20	142	1.451	0	11		
3	VSP01	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		21	23	158	1.523	0	22		
WEIGHT KG				158	1.523	0			

GRAND TOTAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT:	TO: RP1 - RCDM	CREW: N.Thắng - XHOÀN - Luy	ETA: 13:30
XANH - 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI MINH ĐƯỜNG	RP1	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VIET HUNG	RP1	76	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
3	TANG THANH DAN	RP1	84	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NAM TRUNG	RP1	71	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
5	TO NG. MINH KHOI	RP1	75	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐINH THAM	RP1	85	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	83	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	RP1	89-90	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THE HUNG	RP1	79-80	2	9	20	81	T-TIN	Vietnamese
11	PHAN VAN NGO	RP1	91-93	3	13		53	YTE	Vietnamese
12	NGUYEN MINH BANG	RP1	74	1	5		84	PSV	Vietnamese
13	LE VAN HIEN	RP1	86	1	6		76	PSV	Vietnamese
14	TRAN VUONG CHINH TONG	RP1	95	1	7		63	PSV	Vietnamese
15	PHAM THE THUAN	RP1	72	1	5		72	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN HUU NHAN	RP1	87	1	8		71	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	77	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN SON	RP1	82	1	6		64	PVEP	Vietnamese
19	HUYNH THANH LAM	RP1	78	1	10		73	DIEUHANI	Vietnamese
20	TRAN BA PHUONG	RP1	88	1	8		65	DIEUHANI	Vietnamese
21	DANG DINH HOA	RCDM	24	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	20	24	138	1.416	20	14		
2	RCDM	1	1	10	60	0	1		
TOTAL		21	25	148	1.476	20	15		
WEIGHT KG				148	1.476	20			

GRAND TOAL: 1.644 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN